NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM

1. Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước - 2.002169

- Trình tự thực hiện

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, doanh nghiệp bảo hiểm lập hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, căn cứ văn bản của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP), Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP), Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hoàn thành việc thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ. Trường hợp từ chối chi trả, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định chi trả, Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào Quyết định chi trả của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm qua Kho bạc Nhà nước khu vực; Kho bạc Nhà nước khu vực thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại;

+ Trường hợp chưa hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử khi điều kiện cho phép

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP.

++ Bảng kê (kèm theo bản sao) hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đã ký kết với tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp bảo hiểm.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kho bạc Nhà nước khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

+ Quyết định chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thông báo từ chối chi trả của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

+ Lệnh chi tiền cho doanh nghiệp bảo hiểm qua Kho bạc nhà nước khu vực;

+ Kho bạc Nhà nước khu vực thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại;

+ Văn bản thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc chưa hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm và nêu rõ lý do.

- **Phí, lệ phí:** Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP.

+ Bảng kê (kèm theo bản sao) hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đã ký kết với tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP..

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm số 139/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

+ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026.

Mẫu số 05[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ PHÍ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 346/2026/NĐ-CP Ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số ……ngày…. tháng….năm….. của Ủy ban nhân dân tỉnh….. về....;

Căn cứ số lượng tham gia bảo hiểm tại địa bàn tỉnh, thành phố...

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm]

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:……. do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố... thực hiện các thủ tục cần thiết để chi trả cho công ty chúng tôi phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP Ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ).

Số tiền đề nghị chi trả: ……. đồng

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo./.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

...., ngày.... tháng.... năm...
Đại diện trước pháp luật
Chủ tịch/Tổng Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

[1] *Biểu mẫu này có thể sử dụng để xây dựng biểu mẫu tương tác trên cổng dịch vụ công*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …;

Mẫu số 06

BẢNG KÊ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH....
TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM...
Báo cáo tháng... (từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... năm 20...)

STT	HĐBH			Đối tượng hỗ trợ			Số tiền bảo hiểm (đồng)			Số phí bảo hiểm (đồng)		
	Tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm	Số HĐBH	Ngày HĐBH	Nghèo, cận nghèo	Không thuộc nghèo, cận nghèo	Tổ chức	Cây trồng	Vật nuôi	Thủy sản	Tổng số	NSNN hỗ trợ	Tổ chức, cá nhân nộp
1												
2												
...												

Chúng tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật./.

...., ngày.... tháng.... năm....
ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH/TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

2. Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp - 1.005411

- Trình tự thực hiện:

+ Trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và doanh nghiệp bảo hiểm để thực hiện thủ tục hoàn phí bảo hiểm đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông báo ghi rõ thời điểm tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, doanh nghiệp bảo hiểm tổng hợp lại các trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, gửi văn bản thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của doanh nghiệp bảo hiểm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm hoàn thành việc thẩm định:

++ Số phí bảo hiểm mà tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm hoàn lại cho ngân sách nhà nước tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm (trong trường hợp ngân sách nhà nước đã chuyển đủ phí bảo hiểm nông nghiệp hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp). Chi phí hợp lý thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

++ Số phí bảo hiểm mà ngân sách nhà nước có trách nhiệm chuyển trả cho doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với thời gian đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm (trong trường hợp ngân sách nhà nước chưa chuyển đủ phí bảo hiểm nông nghiệp hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp).

Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Căn cứ kết quả thẩm định, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm chuyển trả lại ngân sách nhà nước số phí bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP).

Quyết định này được gửi cho các cơ quan liên quan: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng được hỗ trợ và doanh nghiệp bảo hiểm có liên quan.

+ Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền cho doanh nghiệp bảo hiểm qua Kho bạc Nhà nước khu vực; Kho bạc Nhà nước khu vực thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại hoặc ngược lại doanh nghiệp bảo hiểm đến trực tiếp Kho bạc Nhà nước khu vực để thực hiện thủ tục hoàn trả lại ngân sách nhà nước.

- **Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đối với doanh nghiệp bảo hiểm: Văn bản thông báo các trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp.

++ Đối với cá nhân sản xuất nông nghiệp: Thông báo bằng văn bản theo mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp, Doanh nghiệp bảo hiểm.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

+ Quyết định của UBND cấp tỉnh chuyển trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm chuyển trả lại ngân sách nhà nước phí bảo hiểm;

+ Lệnh chi tiền cho doanh nghiệp bảo hiểm qua Kho bạc Nhà nước khu vực

+ Kho bạc Nhà nước khu vực thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại hoặc ngược lại doanh nghiệp bảo hiểm đến trực tiếp Kho bạc Nhà nước khu vực để thực hiện thủ tục hoàn trả lại ngân sách nhà nước.

- **Phí, lệ phí:** Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm/thay đổi diện hộ nghèo, cận nghèo theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP), tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn trả lại ngân sách nhà nước số phí bảo hiểm nông nghiệp đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm kể từ thời điểm: (i) Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp không còn đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp; (ii) Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp trước thời hạn hiệu lực.

Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp hoàn trả lại số phí bảo hiểm nông nghiệp đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua doanh nghiệp bảo hiểm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Kinh doanh bảo hiểm số 139/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

+ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026.

Mẫu số 04[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KHÔNG CÒN THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ BẢO HIỂM/THAY ĐỔI DIỆN HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu…

Căn cứ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 346/2026/NĐ-CP Ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số ……ngày…. tháng….năm….. của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố….. về....;

Trường hợp cá nhân sản xuất nông nghiệp:

- Tên cá nhân sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...tại [Nơi cấp]

- Địa chỉ thường trú:

- Chúng tôi xin thông báo:

□ Không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ

□ Thay đổi diện hộ nghèo, cận nghèo (Trước đây...; Hiện nay...)

Trường hợp tổ chức sản xuất nông nghiệp:

- Tên tổ chức sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...

- Địa chỉ:

- Chúng tôi xin thông báo: Chúng tôi không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo./.

Hồ sơ kèm theo:

...., ngày.... tháng.... năm...
Cá nhân/Người đại diện

---

[2] *Biểu mẫu này có thể sử dụng để xây dựng biểu mẫu tương tác trên cổng dịch vụ công*

- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, thủy sản….
(Liệt kê đầy đủ)

theo pháp luật của tổ chức
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …;